

Số: 165/QĐ-TTKĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ  
kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm  
Khóa 2023 – Đợt 1

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-ĐHQG ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Công văn số 606/ĐHQG-ĐT ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm;

Căn cứ công văn số 1029/QLCL-KĐCLGD ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện đảm bảo chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-TTKĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM về việc công nhận học viên được tham gia chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm Khóa 2023 - Đợt 1;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Dịch vụ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm Khóa 2023 - Đợt 1 cho 77 (bảy mươi bảy) học viên có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Trưởng Phòng Dịch vụ, Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Ban có liên quan và các học viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Cục QLCL, Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, PĐV.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Ngọc Quỳnh Lam**

IA  
G  
D  
L  
D  
★



**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN  
HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH VIÊN  
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM (KHÓA 2023-ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-TTKĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023  
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM)

| Stt | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Quyết định công nhận tham gia bồi dưỡng |       | Số vào sổ cấp GCN |
|-----|-----------------------|-----------|------------|-----------------------|---|-------|-------------------|
|     |                       |           |            |                       | Số QĐ                                   | Số TT |                   |
| 1.  | Nguyễn Anh Phong      | Nam       | 13/11/1977 | Bến Tre               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 2     | KĐV2023.1.1       |
| 2.  | Phạm Ngọc Ý           | Nữ        | 17/9/1989  | Bình Dương            | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 3     | KĐV2023.1.2       |
| 3.  | Nguyễn Đình Huy       | Nam       | 01/5/1969  | Hà Tĩnh               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 5     | KĐV2023.1.3       |
| 4.  | Nguyễn Thị Khoa       | Nữ        | 24/4/1968  | Thanh Hóa             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 4     | KĐV2023.1.4       |
| 5.  | Huỳnh Thị Minh Châu   | Nữ        | 26/3/1983  | Đồng Tháp             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 62    | KĐV2023.1.5       |
| 6.  | Nguyễn Thị Như Lan    | Nữ        | 30/4/1987  | Vĩnh Long             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 63    | KĐV2023.1.6       |
| 7.  | Trần Huy Hùng         | Nam       | 15/01/1987 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 5     | KĐV2023.1.7       |
| 8.  | Dương Thị Minh Tâm    | Nữ        | 26/11/1981 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 7     | KĐV2023.1.8       |
| 9.  | Hoàng Thị Diễm Phương | Nữ        | 11/9/1993  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 8     | KĐV2023.1.9       |
| 10. | Trần Văn Minh         | Nam       | 19/5/1987  | Quảng Ngãi            | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 10    | KĐV2023.1.10      |
| 11. | Lương Quý Ngọc        | Nữ        | 02/5/1983  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 11    | KĐV2023.1.11      |
| 12. | Phạm Thị Nga          | Nữ        | 05/12/1980 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 12    | KĐV2023.1.12      |
| 13. | Lê Thị Ngọc Bình      | Nữ        | 04/9/1997  | Gia Lai               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 13    | KĐV2023.1.13      |
| 14. | Huỳnh Kim Lâm         | Nam       | 17/12/1977 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 14    | KĐV2023.1.14      |
| 15. | Nguyễn Hoài Nghĩa     | Nam       | 23/5/1979  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 15    | KĐV2023.1.15      |
| 16. | Nguyễn Vũ             | Nữ        | 07/11/1979 | Tiền                  | 102/QĐ-TTKĐ                             | 16    | KĐV2023.1.16      |

| Stt | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Quyết định công nhận tham gia bồi dưỡng |       | Số vào sổ cấp GCN |
|-----|----------------------|-----------|------------|-----------------------|---|-------|-------------------|
|     |                      |           |            |                       | Số QĐ                                   | Số TT |                   |
|     | Hồng Hà              |           |            | Giang                 | ngày 17/7/2023                          |       |                   |
| 17. | Nguyễn Thanh Tâm     | Nam       | 11/6/1979  | Bình Định             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 17    | KĐV2023.1.17      |
| 18. | Đào Anh Thu          | Nữ        | 03/10/1972 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 18    | KĐV2023.1.18      |
| 19. | Trần Thị Kiều Nương  | Nữ        | 20/8/1980  | Vĩnh Long             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 19    | KĐV2023.1.19      |
| 20. | Phạm Thị Phương Thảo | Nữ        | 07/4/1981  | Cần Thơ               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 20    | KĐV2023.1.20      |
| 21. | Bùi Thanh Bình       | Nam       | 28/8/1985  | Hải Dương             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 21    | KĐV2023.1.21      |
| 22. | Phạm Hữu Tài         | Nam       | 18/11/1983 | Tiền Giang            | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 23    | KĐV2023.1.22      |
| 23. | Nguyễn Ngọc Khương   | Nam       | 15/8/1982  | Thanh Hóa             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 22    | KĐV2023.1.23      |
| 24. | Nguyễn Anh Tú        | Nam       | 20/5/1992  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 24    | KĐV2023.1.24      |
| 25. | Nguyễn Quốc Chí      | Nam       | 01/01/1990 | Vĩnh Long             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 25    | KĐV2023.1.25      |
| 26. | Lê Trường Huân       | Nam       | 19/02/1982 | Đắk Lắk               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 26    | KĐV2023.1.26      |
| 27. | Huỳnh Đỗ Bảo Châu    | Nữ        | 24/11/1987 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 27    | KĐV2023.1.27      |
| 28. | Nguyễn Thị Thu Hường | Nữ        | 04/12/1990 | Khánh Hòa             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 28    | KĐV2023.1.28      |
| 29. | Lê Ngọc Thắng        | Nam       | 16/3/1979  | Hà Tĩnh               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 29    | KĐV2023.1.29      |
| 30. | Nguyễn Thế Bình      | Nam       | 30/01/1969 | Nghệ An               | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 30    | KĐV2023.1.30      |
| 31. | Nguyễn Quốc Toàn     | Nam       | 14/9/1988  | Bình Định             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 31    | KĐV2023.1.31      |
| 32. | Tô Thị Phương Lan    | Nữ        | 17/05/1986 | Bình Định             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 32    | KĐV2023.1.32      |
| 33. | Võ Văn Dòn           | Nam       | 12/7/1985  | Đồng Tháp             | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 33    | KĐV2023.1.33      |
| 34. | Phạm Minh Huyền      | Nữ        | 15/6/1988  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 34    | KĐV2023.1.34      |
| 35. | Tạ Thị Thu Anh       | Nữ        | 20/10/1987 | Quảng Bình            | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023           | 35    | KĐV2023.1.35      |

| Stt | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Quyết định công nhận tham gia bồi dưỡng |       | Số vào sổ cấp GCN |
|-----|--------------------|-----------|------------|-----------------------|---|-------|-------------------|
|     |                    |           |            |                       | Số QĐ                                   | Số TT |                   |
| 36. | Huỳnh Thế Nguyễn   | Nam       | 12/3/1978  | Bến Tre               | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 36    | KĐV2023.1.36      |
| 37. | Trần Thế Nam       | Nam       | 24/7/1977  | Hà Nam                | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 37    | KĐV2023.1.37      |
| 38. | Nguyễn Thanh Hùng  | Nam       | 01/11/1976 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 38    | KĐV2023.1.38      |
| 39. | Nguyễn Hữu Ngọc    | Nam       | 25/11/1955 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 9     | KĐV2023.1.39      |
| 40. | Võ Thanh Tuyền     | Nữ        | 27/01/1991 | Tiền Giang            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 61    | KĐV2023.1.40      |
| 41. | Ao Thu Hoài        | Nữ        | 15/7/1975  | Hà Nội                | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 1     | KĐV2023.1.41      |
| 42. | Bùi Thị Như Huệ    | Nữ        | 02/7/1989  | Thái Bình             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 69    | KĐV2023.1.42      |
| 43. | Bùi Thị Thu Hiền   | Nữ        | 26/5/1983  | Quảng Trị             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 68    | KĐV2023.1.43      |
| 44. | Phan Bách Thắng    | Nam       | 13/11/1979 | Ninh Bình             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 39    | KĐV2023.1.44      |
| 45. | Đoàn Minh Nguyệt   | Nữ        | 18/8/1978  | Long An               | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 57    | KĐV2023.1.45      |
| 46. | Trần Thị Tiên      | Nữ        | 24/3/1984  | Tiền Giang            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 58    | KĐV2023.1.46      |
| 47. | Lê Trung Nghĩa     | Nam       | 27/10/1982 | Khánh Hòa             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 59    | KĐV2023.1.47      |
| 48. | Đinh Thị Thu Hà    | Nữ        | 09/02/1986 | Khánh Hòa             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 60    | KĐV2023.1.48      |
| 49. | Lê Thị Phương Loan | Nữ        | 10/5/1980  | Hậu Giang             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 40    | KĐV2023.1.49      |
| 50. | Nguyễn Bảo Tuấn    | Nam       | 06/01/1972 | Sài Gòn               | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 41    | KĐV2023.1.50      |
| 51. | Vũ Long            | Nam       | 17/10/1990 | Bạc Liêu              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 42    | KĐV2023.1.51      |
| 52. | Hà Vĩnh Phước      | Nam       | 09/6/1989  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 43    | KĐV2023.1.52      |
| 53. | Nguyễn Văn Tân     | Nam       | 15/8/1988  | Bình Dương            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 64    | KĐV2023.1.53      |
| 54. | Bùi Ngọc Hữu Vinh  | Nam       | 23/6/1988  | Bình Dương            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 65    | KĐV2023.1.54      |
| 55. | Huỳnh Võ Hữu Tâm   | Nam       | 17/01/1980 | Bến Tre               | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 47    | KĐV2023.1.55      |
| 56. | Vũ Thị Thanh Thảo  | Nữ        | 03/10/1984 | Đồng Nai              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 66    | KĐV2023.1.56      |

| Stt | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Quyết định công nhận tham gia bồi dưỡng |       | Số vào sổ cấp GCN |
|-----|------------------------|-----------|------------|-----------------------|---|-------|-------------------|
|     |                        |           |            |                       | Số QĐ                                   | Số TT |                   |
| 57. | Lê Thị Phương          | Nữ        | 08/9/1992  | Thanh Hóa             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 44    | KĐV2023.1.57      |
| 58. | Nguyễn Lưu Thùy Ngân   | Nữ        | 14/10/1981 | Đồng Nai              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 45    | KĐV2023.1.58      |
| 59. | Trần Thị Phương Trang  | Nữ        | 22/4/1977  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 46    | KĐV2023.1.59      |
| 60. | Đặng Lê Khoa           | Nam       | 01/3/1983  | Tiền Giang            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 48    | KĐV2023.1.60      |
| 61. | Nguyễn Minh Trí        | Nam       | 22/6/1987  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 49    | KĐV2023.1.61      |
| 62. | Nguyễn Thị Thiên Trang | Nữ        | 23/9/1985  | Quảng Ngãi            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 50    | KĐV2023.1.62      |
| 63. | Nguyễn Quỳnh Thy       | Nữ        | 16/8/1989  | Bình Dương            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 67    | KĐV2023.1.63      |
| 64. | Nguyễn Văn Dũng        | Nam       | 12/4/1983  | Quảng Trị             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 51    | KĐV2023.1.64      |
| 65. | Đặng Văn Thương        | Nam       | 18/01/1987 | Nam Định              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 52    | KĐV2023.1.65      |
| 66. | Lương Hùng Truyện      | Nam       | 21/4/1985  | Đồng Nai              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 53    | KĐV2023.1.66      |
| 67. | Ngô Thị Kim Duyên      | Nữ        | 01/4/1979  | An Giang              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 54    | KĐV2023.1.67      |
| 68. | Nguyễn Thanh Hùng      | Nam       | 11/8/1980  | Đồng Tháp             | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 55    | KĐV2023.1.68      |
| 69. | Trần Thế Định          | Nam       | 23/9/1983  | Nam Định              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 56    | KĐV2023.1.69      |
| 70. | Nguyễn Thanh Đạt       | Nam       | 20/11/1985 | Ninh Thuận            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 70    | KĐV2023.1.70      |
| 71. | Đặng Vũ Bích Hạnh      | Nữ        | 17/11/1967 | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 71    | KĐV2023.1.71      |
| 72. | Nguyễn Trường Sơn      | Nam       | 14/11/1981 | Cà Mau                | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 72    | KĐV2023.1.72      |
| 73. | Huỳnh Công Minh        | Nam       | 10/3/1978  | Bình Dương            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 73    | KĐV2023.1.73      |
| 74. | Ngô Thanh An           | Nam       | 27/5/1978  | Thành phố Hồ Chí Minh | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 74    | KĐV2023.1.74      |
| 75. | Văn Tấn Lượng          | Nam       | 20/8/1979  | Tiền Giang            | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 75    | KĐV2023.1.75      |
| 76. | Nguyễn Đức Đạt Đức     | Nam       | 24/8/1981  | Đồng Nai              | 102/QĐ-TTKĐ ngày 17/7/2023              | 76    | KĐV2023.1.76      |

| Stt | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Quyết định công nhận<br>tham gia bồi dưỡng |       | Số vào sổ cấp<br>GCN |
|-----|---------------------|-----------|-----------|----------|--|-------|----------------------|
|     |                     |           |           |          | Số QĐ                                      | Số TT |                      |
| 77. | Trần Thị Lan<br>Anh | Nữ        | 07/5/1984 | An Giang | 102/QĐ-TTKĐ<br>ngày 17/7/2023              | 77    | KĐV2023.1.77         |

Danh sách có 77 người./.

